

Số 15/TB-THPCHH

Hải Hậu, ngày 04 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai chính sách miễn giảm học phí đối với người học

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường tiến hành công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học 2023 - 2024 về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học như sau:

Năm học 2024 – 2025, thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2021-2022. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Nhà trường đã thực hiện, đầy đủ chế độ nêu trên tại của đơn vị, cụ thể:

1. Kỳ 1 năm học 2024-2025:

- Số học sinh miễn 100% học phí là 13 học sinh, mức miễn là 90.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

| Stt | Họ và tên | Lớp | Mức được miễn | Số tháng được miễn | Số tiền được miễn | Ghi chú |
|-----|-------------------|------|---------------|--------------------|-------------------|----------|
| 1 | Trần Ánh Ngọc | 10A4 | 90.000 | 4 | 360.000 | KT |
| 2 | Phạm Tiến Tài | 10A4 | 90.000 | 4 | 360.000 | KT |
| 3 | Vũ Thu Linh | 10A8 | 90.000 | 4 | 360.000 | Hộ nghèo |
| 4 | Phạm Văn Tuấn | 11B4 | 90.000 | 4 | 360.000 | Hộ nghèo |
| 5 | Trịnh Duy Hiệu | 11B7 | 90.000 | 4 | 360.000 | TB42% |
| 6 | Vũ Miên Biên Thùy | 11B7 | 90.000 | 4 | 360.000 | KT |
| 7 | Phạm Ngọc Anh | 11B7 | 90.000 | 4 | 360.000 | MC |
| 8 | Ninh Thị Hà | 11B9 | 90.000 | 4 | 360.000 | Hộ nghèo |
| 9 | Phạm Thị An Đông | 12C1 | 90.000 | 4 | 360.000 | BB87% |
| 10 | Phạm Thành Đồng | 12C1 | 90.000 | 4 | 360.000 | BB63% |
| 11 | Phạm Đức Thắng | 12C5 | 90.000 | 4 | 360.000 | Hộ nghèo |
| 12 | Vũ Khánh Ly | 12C8 | 90.000 | 4 | 360.000 | Hộ nghèo |
| 13 | Lê Thị Tố Uyên | 12C9 | 90.000 | 4 | 360.000 | Hộ nghèo |
| | Cộng | | | | 4.680.000 | |

- Số học sinh giảm 50% học phí là 16 học sinh, mức miễn là 45.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

| Stt | Họ và tên | Lớp | Mức được giảm | Số tháng được giảm | Số tiền được giảm | Ghi chú |
|-------------|-----------------------|-------|---------------|--------------------|-------------------|-----------|
| 1 | Nguyễn Thị Thảo Vân | 10A2 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 2 | Trần Thị Thảo Vy | 10A4 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 3 | Nguyễn Thị Hương Thảo | 10A6 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 4 | Phạm Thị Hà Vy | 10A7 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 5 | Phạm Thị Hồng Thắm | 10A8 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 6 | Trần Anh Tú | 10A9 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 7 | Nguyễn Ánh Tuyết | 10A11 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 8 | Cao Thanh Du | 11B5 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 9 | Nguyễn Thị Quỳnh Chi | 11B8 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 10 | Lê Thị Hồng Huệ | 11B9 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc Hà | 11B10 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 12 | Phạm Thị Thanh Trà | 12C4 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 13 | Cao Thị Thu Trang | 12C5 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| 14 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | 12C6 | 45.000 | 4 | 180.000 | Cận nghèo |
| Cộng | | | | | 2.520.000 | |

- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập là 10 học sinh, mức hỗ trợ là 150.000đ/tháng/HS. Số tháng được hỗ trợ là 04 tháng, cụ thể:

| Stt | Họ và tên | Lớp | Mức được hỗ trợ | Số tháng được hỗ trợ CPHT | Số tiền được hỗ trợ CPHT | |
|-----|-------------------|------|-----------------|---------------------------|--------------------------|----------|
| 1 | Trần Ánh Ngọc | 10A4 | 150.000 | 4 | 600.000 | KT |
| 2 | Phạm Tiến Tài | 10A4 | 150.000 | 4 | 600.000 | KT |
| 3 | Vũ Thị Linh | 10A8 | 150.000 | 4 | 600.000 | Hộ nghèo |
| 4 | Phạm Văn Tuấn | 11B4 | 150.000 | 4 | 600.000 | Hộ nghèo |
| 5 | Vũ Miền Biên Thùy | 11B7 | 150.000 | 4 | 600.000 | KT |
| 6 | Phạm Ngọc Anh | 11B7 | 150.000 | 4 | 600.000 | MC |
| 7 | Ninh Thị Hà | 11B9 | 150.000 | 4 | 600.000 | Hộ nghèo |
| 8 | Phạm Đức Thắng | 12C5 | 150.000 | 4 | 600.000 | Hộ |

| | | | | | | |
|----|----------------|------|---------|---|------------------|-------------|
| | | | | | | nghèo |
| 9 | Vũ Khánh Ly | 12C8 | 150.000 | 4 | 600.000 | Hộ nghèo |
| 10 | Lê Thị Tố Uyên | 12C9 | 150.000 | 4 | 600.000 | Hộ nghèo |
| | Cộng | | | | 6.000.000 | |

Hiệu trưởng



Nguyễn Văn Chiểu

